

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đề án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000
Khu đô thị Tây Nam dọc theo hai bên đường vành đai phía Tây,
thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về
lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng
Quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đề án Quy hoạch xây dựng vùng, Quy hoạch
đô thị và Quy hoạch khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 13/2011/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 của UBND
tỉnh về việc ban hành Quy định về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 11/11/2011 của Chủ tịch
UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu
đô thị Bắc & Tây Bắc và Khu đô thị Tây Nam dọc theo hai bên đường vành đai
phía Tây, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 246/TTr-SXD
ngày 27/10/2016 và Báo cáo thẩm định số 646/BC-SXD ngày 27/10/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000, với các nội
dung chính sau:

1. Tên đề án: Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô Tây Nam dọc
theo hai bên đường vành đai phía Tây, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

3. Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Đắk Lắk.

4. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

- Địa điểm quy hoạch: Thuộc địa bàn các phường Ea Tam, Khánh Xuân, một phần giáp với phường Tân Thành và đất quân sự, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Ranh giới khu vực quy hoạch như sau:

+ Phía Bắc giáp: Phường Tân Thành và đất quân sự;

+ Phía Nam giáp: Phường Khánh Xuân;

+ Phía Đông giáp: Phường Ea Tam;

+ Phía Tây giáp: Phường Khánh Xuân và đất quân sự.

5. Quy mô dân số, diện tích lập quy hoạch:

- Quy mô dân số: Khoảng 7.800 người;

- Diện tích lập quy hoạch: 120,60ha.

6. Mục tiêu của đồ án:

- Cụ thể hoá quy hoạch chung thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 249/QĐ-TTg ngày 13/02/2014; quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk và thành phố Buôn Ma Thuột;

- Quy hoạch khu đô thị Tây Nam dọc theo hai bên đường vành đai phía Tây, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk hình thành không gian khu dân cư đô thị mới, phù hợp với các điều kiện sống hiện tại, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững, bảo vệ cảnh quan môi trường;

- Lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp với đô thị, đồng thời khớp nối đồng bộ các dự án đã và đang triển khai cũng như cơ sở hạ tầng hiện có trong khu vực quy hoạch;

- Lập kế hoạch khai thác và sử dụng đất một cách hợp lý, tạo ra môi trường không gian, kiến trúc cảnh quan mới cho khu vực đường vành đai phía Tây thành phố Buôn Ma Thuột;

- Làm cơ sở cho việc quản lý đất đai, xây dựng đô thị; triển khai các quy hoạch chi tiết, các dự án đầu tư theo trình tự đầu tư xây dựng hiện hành.

7. Quy hoạch sử dụng đất:

STT	Loại đất sử dụng	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Đất đơn vị ở		39,71	32,92
1	Đất ở		34,04	28,22
-	Nhà ở chính trang và tái định cư	C-OCT&TĐC	3,53	2,93
-	Nhà ở liên kế	A-OLK1, ..., A-OLK3, B-OLK1, ..., B-OLK3, C-OLK1, ..., C-OLK5	20,33	16,85

-	Nhà ở biệt thự	B-OBT, C-OBT1, ..., C-OBT4	10,18	8,44
2	Đất công trình công cộng - thương mại dịch vụ cấp đơn vị ở		4,45	3,69
-	Đất giáo dục	A-GD, B-GD, C-GD	2,14	1,77
-	Đất công cộng - Dịch vụ - Hành chính	A-CC, B-CC, C-CC	2,31	1,92
3	Đất hoa viên cây xanh	A-HV1, A-HV2, B- HV, C-HV	1,22	1,01
II	Đất ngoài đơn vị ở		80,89	67,08
1	Đất công trình công cộng bố trí cho các doanh nghiệp	A-DN1, ..., A-DN5, C-DN1, ..., C-DN3	11,00	9,12
2	Đất thương mại dịch vụ hỗn hợp	A-DV1, ..., A-DV3, B- DV, C-DV1, ..., C-DV3, C-DV5	11,29	9,36
3	Đất cây xanh		35,37	29,33
-	Đất cây xanh kết hợp dịch vụ	CV-CX1, ..., CV-CX3	18,62	15,44
-	Đất cây xanh cảnh quan, mặt nước	CXCQ-MN1, ..., CXCQ-MN6	16,75	13,89
4	Đất giao thông, bãi đậu xe		23,23	19,27
-	Đất giao thông		22,91	19,00
-	Bãi đậu xe	P1, P2	0,32	0,27
	Tổng cộng		120,60	100,00

8. Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
I	Chỉ tiêu về mật độ xây dựng tối đa		
1	Đất ở	%	
-	Đất ở chính trang & tái định cư (ký hiệu C- OCT&TĐC)		80
-	Đất ở liên kế (ký hiệu A-OLK1, ..., A-OLK3, B- OLK1, ..., B-OLK3, C-OLK1, ..., C-OLK5)		80
-	Đất ở biệt thự (ký hiệu B-OBT, C-OBT1, ..., C-OBT4)		60
2	Đất công trình công cộng		
-	Đất công trình công cộng cấp đơn vị ở (ký hiệu A-GD, B-GD, C-GD; A-CC, B-CC, C-CC)		40
-	Đất công trình công cộng cấp đô thị (ký hiệu A-		40

	DN1,..., A-DN5, C-DN1,..., C-DN3)		
3	Đất công trình thương mại, dịch vụ hỗn hợp		
-	Đất công trình thương mại, dịch vụ hỗn hợp thấp tầng (ký hiệu A-DV1,..., A-DV3, B-DV, C-DV1, C-DV5)		70
-	Đất công trình thương mại, dịch vụ hỗn hợp cao tầng (ký hiệu C-DV2, C-DV3)		70
4	Đất cây xanh, hoa viên		
-	Đất cây xanh, hoa viên cấp đơn vị ở (ký hiệu A-HV1, A-HV2, B-HV, C-HV)		5
-	Đất cây xanh cảnh quan, mặt nước (CXCQ-MN1,..., CXCQ-MN6)		5
-	Đất cây xanh kết hợp dịch vụ (ký hiệu CV-CX1,..., CV-CX3)		10
II	Chỉ tiêu về hệ số sử dụng đất tối đa		
1	Đất ở		
-	Nhà ở chính trang & tái định cư (ký hiệu C-OCT&TĐC)		4,00
-	Nhà ở liên kế (ký hiệu A-OLK1,..., A-OLK3, B-OLK1, ..., B-OLK3, C-OLK1,..., C-OLK5)		4,00
-	Nhà ở biệt thự (ký hiệu B-OBT, C-OBT1,..., C-OBT4)		1,80
2	Đất công trình công cộng		
-	Đất công trình công cộng cấp đơn vị ở (ký hiệu A-GD, B-GD, C-GD; A-CC, B-CC, C-CC)		1,20
-	Đất công trình công cộng cấp đô thị (ký hiệu A-DN1,..., A-DN5, C-DN1,..., C-DN3)		2,40
3	Đất công trình thương mại, dịch vụ hỗn hợp	lần	
-	Đất công trình thương mại, dịch vụ hỗn hợp thấp tầng (ký hiệu A-DV1,..., A-DV3, B-DV, C-DV1, C-DV5)		2,10
-	Đất công trình thương mại, dịch vụ hỗn hợp cao tầng (ký hiệu C-DV2, C-DV3)		8,40
4	Đất cây xanh, hoa viên		
-	Đất cây xanh, hoa viên cấp đơn vị ở (ký hiệu A-HV1, A-HV2, B-HV, C-HV)		0,05
-	Đất cây xanh cảnh quan, mặt nước (CXCQ-MN1,..., CXCQ-MN6)		0,05
-	Đất cây xanh kết hợp dịch vụ (ký hiệu CV-CX1,..., CV-CX3)		0,10

III	Chỉ tiêu về tầng cao		
1	Đất ở		
-	Đất ở chính trang & tái định cư (ký hiệu C-OCT&TĐC)		02 ÷ 05
-	Đất ở liên kế (ký hiệu A-OLK1,..., A-OLK3, B-OLK1, ..., B-OLK3, C-OLK1,..., C-OLK5)		02 ÷ 05
-	Đất ở biệt thự (ký hiệu B-OBT, C-OBT1,..., C-OBT4)		01 ÷ 03
2	Đất công trình công cộng		
-	Đất công trình công cộng cấp đơn vị ở (ký hiệu A-GD, B-GD, C-GD; A-CC, B-CC, C-CC)		01 ÷ 03
-	Đất công trình công cộng cấp đô thị (ký hiệu A-DN1,..., A-DN5, B-DN, C-DN1,..., C-DN3)		02 ÷ 06
3	Đất công trình thương mại, dịch vụ hỗn hợp (ký hiệu A-DV1,..., A-DV3, B-DV, C-DV1,..., C-DV3, C-DV5)	tầng	02 ÷ 06
-	Đất công trình thương mại, dịch vụ hỗn hợp thấp tầng (ký hiệu A-DV1,..., A-DV3, B-DV, C-DV1, C-DV5)		01 ÷ 03
-	Đất công trình thương mại, dịch vụ hỗn hợp cao tầng (ký hiệu C-DV2, C-DV3)		05 ÷ 12
4	Đất cây xanh, hoa viên		
-	Đất cây xanh, hoa viên cấp đơn vị ở (ký hiệu A-HV1, A-HV2, B-HV, C-HV)		01
-	Đất cây xanh cảnh quan, mặt nước (CXCQ-MN1,..., CXCQ-MN6)		01
-	Đất cây xanh kết hợp dịch vụ (ký hiệu CV-CX1,..., CV-CX3)		01
IV	Chỉ tiêu về khoảng lùi công trình tối thiểu so với chỉ giới đường đỏ (Theo các mặt cắt đường tại bản đồ Quy hoạch giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng – Bản vẽ QH:08)		
V	Chỉ tiêu về độ vron ban công của nhà ở liên kế so với chỉ giới xây dựng		
1	Đối với đường có chỉ giới đường đỏ 7,0 ÷ 12,0m	m	0,90
2	Đối với đường có chỉ giới đường đỏ >12,0 ÷ 15,0m		1,20
3	Đối với đường có chỉ giới đường đỏ >15m		1,40
VI	Chỉ tiêu về cao độ nền tối thiểu so vỉa hè	m	0,30
VII	Chỉ tiêu về mật độ cây xanh		
1	Nhà ở liên kế, chính trang & tái định cư	%	10

2	Nhà ở biệt thự		20,00
4	Đất công trình công cộng		30,00
5	Đất công trình thương mại, dịch vụ		10,00
VIII	Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật		
1	Hàng rào xây dựng thoáng, chiều cao tối đa (tính từ vỉa hè)	m	1,80
2	Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt	lít/người- ngày đêm	150
3	Chỉ tiêu về cấp điện sinh hoạt	Kwh/người / năm	1.100
4	Chỉ tiêu về thu gom rác thải	Kg/người -ngày đêm	1,3
5	Chỉ tiêu về thu gom và xử lý nước bẩn	%	80

9. Giải pháp kiến trúc và tổ chức không gian quy hoạch:

a) Phân khu chức năng (*Bản đồ quy hoạch sử dụng đất – QH:04*): Khu đô thị Tây Nam dọc theo hai bên đường vành đai phía Tây được chia làm ba (03) đơn vị ở về hướng Tây Bắc, hướng Tây Nam và hướng Đông của khu quy hoạch thông qua trục đường vành đai phía Tây và trục đường Đều Văn Cải.

- Đơn vị ở A: Quy mô diện tích khoảng 46,00ha, quy mô dân số khoảng 1.273 người. Bố trí về phía Tây Bắc khu quy hoạch, giới hạn bởi các trục đường: Vành đai phía Tây và đường Đều Văn Cải. Bao gồm: Khu nhà ở hiện hữu chỉnh trang, nhà ở liên kế và công trình công cộng phục vụ khu ở (Trường mầm non, Trường tiểu học, công trình công cộng, cây xanh hoa viên); ngoài ra, trong đơn vị ở A còn bố trí công trình công cộng cho các doanh nghiệp; công trình thương mại, dịch vụ hỗn hợp cấp đô thị có vị trí nằm tiếp giáp trục đường vành đai phía Tây; đất cây xanh cảnh quan, mặt nước.

- Đơn vị ở B: Quy mô diện tích khoảng 15,80ha, quy mô dân số khoảng 1.495 người. Bố trí về phía Tây Nam khu quy hoạch, giới hạn bởi các trục đường: Vành đai phía Tây và đường Đều Văn Cải. Bao gồm: Khu nhà ở liên kế, nhà ở biệt thự và công trình công cộng phục vụ khu ở (Trường mầm non, Trường tiểu học, công trình công cộng, cây xanh hoa viên); ngoài ra, trong đơn vị ở B còn bố trí công trình thương mại, dịch vụ hỗn hợp cấp đô thị có vị trí nằm tiếp giáp trục đường vành đai phía Tây; đất cây xanh cảnh quan, mặt nước.

- Đơn vị ở C: Quy mô diện tích khoảng 58,80ha, quy mô dân số khoảng 4.287 người. Bố trí về phía Nam khu quy hoạch, giới hạn bởi các tuyến đường: Vành đai phía Tây. Bao gồm: Khu nhà ở hiện hữu chỉnh trang, nhà ở liên kế, nhà ở liên kế bố trí tái định cư, nhà ở biệt thự và công trình công cộng phục vụ khu ở (Trường mầm non, Trường tiểu học, công trình công cộng, cây xanh hoa viên); Ngoài ra, trong đơn vị ở C còn bố trí công trình công cộng cho các doanh nghiệp;

công trình thương mại, dịch vụ hỗn hợp cấp đô thị có vị trí nằm tiếp giáp trục đường vành đai phía Tây; đất cây xanh cảnh quan, mặt nước.

b) Kiến trúc và tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan (*Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan – QH:05*):

- Quy hoạch các khu ở:

+ Đối với khu nhà ở hiện trạng: Cải tạo lại mặt đứng, quy hoạch chỉnh trang, định hướng quản lý mốc lộ giới, hành lang kỹ thuật, cao trình, xây dựng theo quy hoạch và quy chuẩn xây dựng, từng bước hình thành khu đô thị có cảnh quan kiến trúc và hạ tầng đồng bộ; kiểm soát nghiêm ngặt về kiến trúc, tầng cao và các khoảng lùi hợp lý nhằm tạo vẻ mỹ quan cho toàn tuyến phố;

+ Quy hoạch các khu nhà ở xây mới: Nhà ở liên kế, nhà biệt thự với hình thức kiến trúc hiện đại, khuyến khích sử dụng mái dốc. Khu vực ven suối Ea Tam bố trí các loại hình nhà ở biệt thự với mật độ xây dựng thấp. Các khu dân cư hình thành mới phải được đảm bảo việc đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ.

- Khu công trình công cộng, thương mại, dịch vụ hỗn hợp: Hình thức kiến trúc đảm bảo tính thống nhất, mang nét hiện đại cho từng trục đường và tổ chức khối kiến trúc đơn giản tinh tế, giảm thiểu chi tiết, đảm bảo tiêu chí công năng - thích dụng - đẹp. Các công trình công cộng, thương mại dịch vụ hỗn hợp nằm tiếp giáp trục đường vành đai phía Tây bố trí hình thức kiến trúc hiện đại, tạo điểm nhấn về mặt cảnh quan cho khu vực.

- Khu cây xanh công viên, hoa viên : Bố trí đan xen kết hợp với cây xanh đường phố tạo thành những mảng xanh, dải xanh trong khu đô thị. Khu cây xanh kết hợp dịch vụ tận dụng, khai thác địa hình cảnh quan thiên nhiên, các hồ nước với nhiều mảng xanh tạo các điểm nhìn đẹp; khu cây xanh, công viên với tính chất mở, hình thành những không gian sinh hoạt cộng đồng, đảm bảo các chỉ tiêu chung của cây xanh đô thị, tôn tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường.

- Trục cảnh quan chính: Tổ chức 2 trục cảnh quan chính cho khu quy hoạch gồm có trục Bắc Nam (đường tránh Tây) và trục Đông Tây (đường Bà Huyện Thanh Quan), hình thành nút giao thông lớn tạo điểm nhấn chính cho toàn khu. Hai bên trục cảnh quan bố trí các công trình công cộng (trung tâm thương mại dịch vụ hỗn hợp, dịch vụ công cộng cho thuê).

- Không gian mở: Công viên cây xanh cảnh quan dọc suối Ea Tam là không gian mở chính của toàn khu vực. Việc bố trí các công trình đảm bảo khai thác các hướng nhìn hấp dẫn đến khu vực công viên cây xanh. Các khoảng không gian mở của các công trình, cụm công trình đảm bảo liên kết thuận tiện với không gian đường phố, không gian cảnh quan ven suối tạo nên các không gian đa dạng và liên kết chặt chẽ.

c) Thiết kế đô thị: Thực hiện theo Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/05/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị (*phần thể hiện trong thuyết minh và bản vẽ QH:06a, QH:06b*).

10. Quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật:

a) Quy hoạch cấp điện (*Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp điện chiếu sáng, ký hiệu QH:12; Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp điện sinh hoạt, ký hiệu QH:13; Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp điện Trung áp, ký hiệu QH:14*): Sử dụng nguồn điện từ tuyến 22kV chạy dọc tuyến đường vành đai phía Tây cấp điện cho khu quy hoạch; lưới trung áp 22kV, lưới hạ áp 0,4kV và lưới chiếu sáng (giao thông, cảnh quan) được đi ngầm.

b) Quy hoạch giao thông (*Bản đồ quy hoạch giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, ký hiệu QH:08*):

- Chỉ tiêu kỹ thuật các tuyến đường giao thông trong phạm vi dự án: Độ dốc ngang đường 2,00%; Độ dốc dọc đường bám theo độ dốc địa hình và độ dốc san nền.

- Giao thông đối ngoại: Đường Vành đai phía Tây đi qua trung tâm khu quy hoạch, có chỉ giới đường đỏ 36,00 m (mặt cắt 1 - 1).

- Giao thông đối nội: Hệ thống giao thông nội bộ trong khu vực quy hoạch được đầu nối phù hợp, kết nối khu đô thị với các khu vực xung quanh. Không ảnh hưởng đến tính chất, chức năng và định hướng phát triển chung của đô thị, lộ giới đường nội bộ dự án từ 14,00 m đến 24,00 m.

- Bảng quy hoạch hệ thống giao thông trong khu vực lập quy hoạch:

STT	Loại đường	Lộ giới (m)	Mặt cắt quy hoạch (m)			
			Via hè		Gãi phân cách	Lòng đường
			Bên trái	Bên phải		
I	Giao thông đối ngoại					
1	Đường mặt cắt 1 - 1 (Đường vành đai phía Tây)	36,00	6,00	6,00	2,00	2,00x11,00=22,00
II	Giao thông đối nội					
1	Đường mặt cắt 1 - 1: (Đường QH 1)	36,00	6,00	6,00	2,00	2,00x11,00=22,00
2	Đường mặt cắt 2 - 2: (Đường QH 2, QH 3, QH 4)	24,00	4,50	4,50	-	15,00
3	Đường mặt cắt 3 - 3: (Đường QH 5, ..., QH 12)	18,00	4,00	4,00	-	10,00
4	Đường mặt cắt 4 - 4: (Đường QH 13)	14,00	3,00	3,00	-	8,00

c) Quy hoạch cấp nước sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy (*Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp nước, ký hiệu QH:09*): Đầu nối vào mạng lưới cấp nước chung của thành phố Buon Ma Thuột thông qua hai điểm đầu nối chính trên trục đường Y Ngông và đường tránh phía Tây ra Quốc lộ 14, các tuyến ống chính

được lắp đặt ống PVC D100-D200. Dựa vào mạng lưới cấp nước sinh hoạt, bố trí các trụ chữa cháy tại những nơi thiết yếu và thuận tiện cho việc lấy nước phòng cháy chữa cháy, cự ly không quá 150,00m/trụ.

d) Quy hoạch san nền, thoát nước mặt, vệ sinh môi trường:

- Quy hoạch san nền, thoát nước mặt (*Bản đồ quy hoạch chuẩn bị đất xây dựng, ký hiệu QH:07; Bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước mặt, ký hiệu QH:11*):

+ Quy hoạch san nền: Tận dụng địa hình tự nhiên, san lấp cục bộ trong khu dự án, cân bằng đào, đắp đất tại chỗ, không chế độ dốc trên đường đảm bảo thoát nước mưa thuận lợi, không ảnh hưởng đến địa hình tự nhiên, cảnh quan khu vực, cao độ khống chế nền lầy theo cao độ chung của khu vực;

+ Quy hoạch thoát nước mưa: Bố trí công thoát nước mưa đường kính D800-D1000-D1200 kết hợp các hố thu dọc theo các trục đường giao thông nội bộ đảm bảo nước tự chảy theo độ dốc địa hình xả ra các lưu vực.

- Quy hoạch hệ thống thoát nước thải sinh hoạt (*Bản đồ quy hoạch hệ thống nước thải và vệ sinh môi trường, ký hiệu QH:10*): Nước thải sinh hoạt và chất thải vệ sinh được xử lý cục bộ trong từng hạng mục công trình, sau khi đạt yêu cầu vệ sinh môi trường mới đưa vào hệ thống thoát nước thải chung của thành phố Buon Ma Thuột thông qua ống HDPE D200-D300-D400.

- Quy hoạch chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt được tập trung về các thùng chứa rác, sau đó được vận chuyển bằng xe chuyên dùng về khu xử lý chôn lấp chất thải rắn của khu vực.

- Đánh giá môi trường chiến lược: Thực hiện theo Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ quy hoạch được duyệt với những nội dung chính nêu trên, cơ quan quản lý quy hoạch đô thị các cấp hướng dẫn, cung cấp thông tin về quy hoạch cho các chủ đầu tư xây dựng được biết, thực hiện. Đồng thời, làm căn cứ thực hiện quản lý đất đai và xây dựng.

2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị Tây Nam dọc theo hai bên đường vành đai phía Tây, thành phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk được UBND tỉnh phê duyệt, giao cho UBND thành phố Buon Ma Thuột công bố rộng rãi quy hoạch xây dựng để tổ chức, cá nhân được biết, kiểm tra và thực hiện.

3. Giao cho UBND thành phố Buon Ma Thuột lập hồ sơ cắm mốc các tuyến giao thông ngoài thực địa theo quy hoạch xây dựng được duyệt, làm cơ sở cho việc quản lý đất đai, xây dựng công trình theo quy hoạch.

4. Ủy quyền cho Chủ tịch UBND thành phố Buon Ma Thuột ban hành Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị Tây

Nam dọc theo hai bên đường vành đai phía Tây, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trong thời gian 60 ngày, kể từ khi quy hoạch phân khu được duyệt. Trước khi phê duyệt Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng.

5. Trên cơ sở quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị Tây Nam dọc theo hai bên đường vành đai phía Tây, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk được duyệt, UBND thành phố Buôn Ma Thuột cập nhật và công bố kịp thời, đầy đủ các dự án đầu tư đã và đang triển khai để các tổ chức, cá nhân biết và giám sát thực hiện. Quá trình tổ chức thực hiện, xét thấy cần có những điều chỉnh cục bộ so với quy hoạch được duyệt, UBND thành phố Buôn Ma Thuột tổng hợp ý kiến địa phương, báo cáo Sở Xây dựng để kiểm tra và đề xuất UBND tỉnh quyết định.

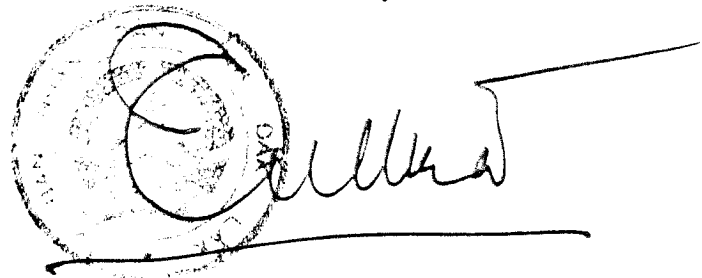
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương; Chủ tịch UBND thành phố Buôn Ma Thuột; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.-

Nơi nhận: ^{đkt}

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN (Hg 23).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

A circular official stamp is partially visible on the left, with a handwritten signature in black ink written over it and extending to the right. The signature appears to be 'Nguyễn Tuấn Hà'.

Nguyễn Tuấn Hà